TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC** Số: 32/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Lập Thạch, ngày 02 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 187/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997

Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc S, sinh năm 1993

Đều cư trú: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự và điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Ngọc S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Đỗ Gia B, sinh ngày 09/01/2017, Đỗ Gia P, sinh ngày 06/9/2019, hiện hai con đang ở cùng chị N. Anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N 2.000.000đ/tháng đối với cháu P kể từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu P 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đỗ Ngọc S không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị N, anh S không đề nghị Toà án giải quyết.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007551 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Trả lại chị N 150.000đ. Anh Đỗ Ngọc S tự nguyện chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- UBND xã Triệu Đề;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ